TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

2. Ông Nguyễn Duy Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh- Thư ký Tòa án nhân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023; về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:***

- Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình ngày 10/5/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Tháng 5/2022 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T. Khoảng cuối năm 2022, anh T sang tìm chị và hai người có phát sinh

quan hệ dẫn đến việc chị có thai nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Chị và anh Trần Văn T có 01 con chung là Trần Kim B, sinh ngày 09/4/2022, đang sống cùng chị. Tại thời điểm nộp đơn ly hôn, chị đang mang thai 21 tuần, ngày 17/7/2023 chị sinh con thứ 2 và đặt tên con là Trần Nguyễn Bảo P. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Tiệm cấp dưỡng nuôi con.

- Chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Anh Trần Văn T có nơi trú tại thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Mọi văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đều được Tòa án tống đạt hợp lệ cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình tài liệu chứng cứ cho Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

** Qua xác minh với ông Trần Văn T2, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1964 (là bố mẹ đẻ của anh T) có nội dung:*

Chị D và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị D và anh T về chung sống cùng gia đình ông bà, tuy nhiên chị D chỉ sống được ở nhà ông bà được thời gian ngắn rồi lại về nhà bố mẹ đẻ chị D ở xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, còn anh T vẫn sống với gia đình ông bà và đi lại thăm mẹ con chị Dinh. Vợ chồng chị D và anh T có phát sinh mâu thuẫn do chị D muốn anh T sống ở bên nhà chị và làm cùng gia đình chị nhưng anh T thấy không phù hợp. Sau khi chị D làm đơn xin ly hôn, anh T đi làm ăn tự do ở tỉnh ngoài, anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại với ông bà. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng liên quan đến việc giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị Dinh và anh T, ông bà đều nhận thay anh T và đều thông báo cho anh T qua điện thoại. Anh T có trao đổi lại với ông bà là anh T đồng ý ly hôn với chị D.

Anh Tiệm và chị Dinh có 01 con chung là Trần Kim B, sinh ngày 09/4/2022, hiện con chung đang sinh sống cùng chị D. Qua lời kể của anh Tiệm, ông bà biết hiện chị D đang có thai với anh T. Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Xác minh tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình có nội dung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào ngày 10/5/2021. Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, chị D vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị D chỉ về gia đình anh T sinh sống một thời gian ngắn, vợ chồng mâu thuẫn, chị D đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị D xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy

định của pháp luật.

Chị D và anh T có 01 con chung là Trần Kim B, sinh ngày 09/4/2022. Hiện con chung đang sống cùng chị D; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho con chung.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Giao con chung Trần Kim B, sinh ngày 09/4/2022 và Trần Nguyễn Bảo P, sinh ngày 17/7/2023 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Dinh tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[3]. Chị Nguyễn Thị D có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị D.

- Về nội dung:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân nhau đã lâu. Cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T

cũng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2] Về con chung: Con Trần Kim B, sinh ngày 09/4/2022 và Trần Nguyễn Bảo P, sinh ngày 17/7/2023 đang sinh sống cùng chị D; hiện cả 02 con chung đều đang dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cả 2 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị Dinh không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung.

[3] Về tài sản: Do chị D không yêu cầu giải quyết, anh T không có lời khai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí : Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị D và anh T có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.

2/. Về con chung: Xử giao 02 con chung Trần Kim B, sinh ngày 09/4/2022 và Trần Nguyễn Bảo P, sinh ngày 17/7/2023 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị D tự nguyện không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu dưỡng cho con khi cần thiết.

3/. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003175 ngày 04/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Kiên Trung